TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2020
"*V/v ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Lương.
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28/02/2020 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Chị Lâm Thị X, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh T. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1978. Nơi ĐKHKTT: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh T. Tạm trú: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh T. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2019 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Lâm Thị X là nguyên đơn trình bày: chị và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, không tổ chức lễ cưới, không cho nữ trang và đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, khoảng năm 2017 chị thấy anh T có những biểu hiện bất thường, chị theo dõi và biết được anh T có quan hệ với một người phụ nữ khác bên ngoài, chỉ có khuyên anh T nhưng không thay đổi. Cho đến năm 2019 anh T vẫn duy trì mối quan hệ với người phụ này không chấm dứt. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn lại được nên yêu cầu pháp luật giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Võ Văn T là bị đơn trình bày: do quen biết nhau anh với chị X đi đến sống chung với nhau như vợ chồng đến nay đã hơn 08 năm, không tổ chức lễ cưới, không cho nữ trang và cũng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng khoảng 02 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị X có mối quan hệ quen biết với người đàn ông khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và kéo dài cho đến nay không khắc phục được.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị X, các vấn đề khác như con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân và không có cung cấp chứng gì mới tại phiên. Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt hợp lệ, đầy đủ cho các đương sự và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 16, 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị X.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Thị X và anh Võ Văn T là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ trường hợp không nộp, miễn nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa anh Võ Văn T là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lâm Thị X có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh giải quyết việc hôn nhân giữa chị với anh T. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị X và anh Võ Văn T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013. Hôn nhân đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị X và anh T là hôn nhân không hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã làm mất đi tình cảm yêu thương vợ chồng dẫn đến xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng được chị X thừa nhận tại đơn khởi kiện, tại bản khai và tại phiên tòa, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra xô xát, đánh nhau, được chính quyền giải quyết; anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại bản tự khai ngày 13/5/2020, anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, mặc dù hai bên có khắc phục để hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng phát sinh trầm trọng thêm, dẫn đến hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, mỗi người sống mỗi nơi, không còn sống với nhau nữa. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của chị X và anh T đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị X yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị với anh T, anh T cũng đồng ý theo yêu cầu của chị X là có căn cứ. Tuy nhiên, hôn nhân giữa chị X và anh T đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị X xin được ly hôn với anh T là không phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị X và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] ***Về con chung*****:** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: buộc chị Lâm Thị X có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật. Anh Võ Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị X.

[1] Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Lâm Thị X và anh Võ Văn T là vợ chồng.

[2] Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lâm Thị X có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0007334, ngày 24/02/2020 do chị Xuyên nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị X đã nộp đủ tiền án phí không phải nộp tiếp. Anh Võ Văn T không phải nộp án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung